

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 294/2022/DS-PT
Ngày 15-11-2022
V/v tranh chấp quyền về lỗi đi qua

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Ông Lê Minh Đạt

Ông Phan Thanh Tòng

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Phần - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 242/2022/TLPT-DS ngày 03/10/2022 về “Tranh chấp quyền về lỗi đi qua”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 47/2022/DS-ST ngày 11/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 278/2022/QĐ-PT ngày 31/10/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Nguyễn Hồng S, sinh năm 1965

1.2. Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1962

1.3. Ông Phạm Văn N, sinh năm 1960

1.4. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1959

1.5. Bà Nguyễn Thị E, sinh năm 1965

1.6. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1969

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Văn A, Phạm Văn N, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị E và Nguyễn Văn Đ: Bà Nguyễn Hồng S, sinh năm 1965 và bà Lê Thị A1, sinh năm 1963

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Huỳnh Văn S1, sinh năm 1958

2.2. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1960

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Lê Tấn D1 - Đoàn Luật sư tỉnh Bến Tre.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Chị Triệu Thị Hồng L, sinh năm 1974

3.2. Bà Lê Thị A1, sinh năm 1963

3.3. Anh Huỳnh Chiến T, sinh năm 1983

3.4. Bà Lê Thị B, sinh năm 1959

3.5. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1965

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre.

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn Huỳnh Văn S1, Nguyễn Thị D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của các nguyên đơn Nguyễn Hồng S, Nguyễn Văn A, Phạm Văn N, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị E, Nguyễn Văn Đ và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà S (đồng thời cũng là người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn khác) trình bày:

Các ông bà là những hộ dân có nhà ở và đất sản xuất tại các thửa đất số 270, tờ bản đồ số 25 (cấp cho ông Nguyễn Văn M và bà Lê Thị B); thửa 293, tờ bản đồ số 21 (cấp cho ông Nguyễn Văn Đ); thửa 294, tờ bản đồ số 21 (cấp cho ông Nguyễn Văn A và bà Triệu Thị Hồng L); thửa 246, tờ bản đồ số 25 và thửa 1119, tờ bản đồ số 4 (cấp cho Nguyễn Hồng S); thửa 16, tờ bản đồ số 25 (cấp cho bà Nguyễn Thị E và ông Nguyễn Văn H); thửa 1122, 1123, tờ bản đồ số 4 (cấp cho ông Phạm Văn N). Các thửa đất của các ông bà nằm phía trong phần đất của ông Huỳnh Văn S1 và bà Nguyễn Thị D thuộc thửa 423, tờ bản đồ 21, tọa lạc ấp T, xã B, huyện M. Năm 1982, ông S1 và bà D cho mở lối đi trên bờ ranh ruộng thuộc thửa 423, tờ bản đồ 21 để làm lối đi chung ra lộ ấp T. Lối đi có chiều dài khoảng 30m, chiều rộng khoảng 1,2m, chiều cao khoảng 03m. Bà S và các hộ dân bên trong đã hùn tiền bơm cát, trải đá để tạo lối đi. Năm 2009, chùa Vĩnh Bửu hỗ trợ xây dựng cây cầu bê tông dài 12m, ngang 1,2m. Cây cầu này nối liền đất của ông S1 và ông A. Lối đi đã được các hộ dân sử dụng từ năm 1982 đến nay.

Khoảng tháng 10/2021, do có mâu thuẫn với 01 hộ bên trong, ông S1 và bà D dùng lưới B40 rào chắn ngang lối đi chung có chiều ngang tại lối đi là 1,2m; chiều cao khoảng 01m. Các hộ dân bên trong muốn đi ra lộ liên ấp phải đi vào sân qua cửa rào của nhà ông S1. Ông S1 giới hạn thời gian đi lại, sáng không được đi sớm, trưa từ 11 giờ đến 14 giờ không được đi; chiều không được về tối vì ông S1 khóa cửa rào. Đồng thời, ông S1 và bà D thông báo yêu cầu các hộ này phải mở lối đi khác tại vị trí cặp theo ranh đất của ông S1, bà D với ông Bùi Tuấn K. Tuy nhiên, nếu mở lối đi theo yêu cầu của ông S1 thì phải qua phần đất của ông A (lối đi mới này nằm ở hướng Đông phần đất ông S1) và có nhiều bất tiện vì một phần lối đi đi ngang qua phần mộ gia đình ông A, lối đi thẳng vào nhà của ông A, trên

đất có nhiều cây dừa nên không chuyên chở dừa, hoa màu ra bên ngoài được. Ngoài ra, đối với lối đi mới này, ông S1 và bà D cho đắp đất, bơm cát, trải đá xong nếu cần tiền ông bà sẽ bán, không cho các hộ bên trong đi nữa.

Đến ngày 03/3/2022, ông S1 và bà D khóa cửa rào, không có lối đi nên các nguyên đơn đã cử người đến gặp ông S1, bà D thương lượng để mở rào nhưng không thành. Sau đó, các hộ dân báo đến Trưởng ấp T. Ngày 01/3/2022, các hộ dân gửi đơn đến UBND xã B yêu cầu giải quyết ông S1, bà D trả lại lối đi chung. Trong thời gian chờ UBND xã B giải quyết, vì nhu cầu đưa con đi học đã dẫn đến sự việc vào lúc 06 giờ 30 ngày 03/3/2022, ông S1 và bà D rào lưới B40 tại vị trí đầu cầu giáp đất của ông A (lưới rào ban đầu ông S1 rào tại vị trí giáp lộ liên ấp). Khi đó, bà S và anh Huỳnh Văn N1 và Huỳnh Chiến T yêu cầu ông S1 mở rào để đưa con đi học nhưng ông S1 không mở nên anh T cắt hàng rào và xảy ra xô xát. Chiều ngày 03/3/2022, UBND xã B tổ chức hòa giải nhưng không thành.

Lối đi các nguyên đơn yêu cầu mở đã hình thành trên 40 năm, ông S1 và bà D đồng ý cho đi trên đất nên những hộ bên trong đã góp tiền tu sửa, gia cố để thành lối đi chung như hiện nay. Trong quá trình đi lại không làm ảnh hưởng đến sản xuất, sinh hoạt của gia đình ông S1. Ông S1 và bà D không cho các hộ bên trong đi trên lối đi hiện hữu thì các nguyên đơn không có lối đi nào khác. Việc yêu cầu mở lối đi mới với chi phí làm đường khoảng 200.000.000 đồng và phải trả giá trị quyền sử dụng đất nên các hộ dân không có khả năng thực hiện.

Do đó, các nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Huỳnh Văn S1, bà Nguyễn Thị D tháo dỡ hàng rào lưới B40 và mở lối đi tại vị trí cũ là giữa đất của ông S1, bà D có chiều dài khoảng 30m; chiều ngang khoảng 1,2m; chiều cao 03m; theo đo đạc thực tế lối đi có chiều dài một cạnh là 33,75m; một cạnh là 33,73m, diện tích 55,2m²; chiều ngang giáp với đường nhựa là 1,21m; chiều ngang ngay cây cầu bê tông là 1,29m; chiều cao 03m, thuộc thửa đất số 423, tờ bản đồ số 21, tọa lạc ấp T, xã B, huyện M. Trên lối đi này không có cây trồng hay công trình kiến trúc. Nguyên đơn đồng ý trả giá trị quyền sử dụng đất phần đất mở lối đi theo giá của Hội đồng định giá đã định.

Sau khi Tòa án xem xét, thẩm định tại chỗ, ông S1 đã đắp đất, bơm cát dưới mương của ông S1 tại vị trí lối đi ông S1 yêu cầu mở. Tuy nhiên, lối đi này nhỏ, nền móng không chắc, đắp tạm bợ để Tòa án giải quyết nên không đi được. Lối đi này muốn đi được phải gia cố, làm thêm rất nhiều. Ngoài ra, còn phải xây dựng cây cầu bắc qua mương nối liền giữa đất ông A với ông S1. Chi phí xây dựng mới cây cầu này và tu bổ lối đi mới khoảng hơn 52.000.000 đồng. Đồng thời, còn phải trả giá trị quyền sử dụng đất tại phần đất mở lối đi của ông S1 gần 100.000.000 đồng, ông A là khoảng 140.000.000 đồng. Tổng chi phí gần 300.000.000 đồng. Chi phí quá lớn so với khả năng của các hộ bên trong nên không đồng ý.

Nguyên đơn đồng ý với giá đất phần đất của ông A thuộc thửa 294A(21) là 1.700.000 đồng/m². Ngoài ra, ông S1 còn dùng lưới B40 rào chắn lối đi giáp lộ liên ấp.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Huỳnh Văn S1 trình bày:

Năm 1982, ông và bà D có cho hộ ông Nguyễn Văn M đi nhờ phần đất ruộng của ông. Sau vài năm những hộ có đất bên trong về sau này cứ thế đi theo,

không hỏi ông để được đi trên đất. Vài năm sau, gia đình ông cải tạo đất, lên bờ trồng mía, những hộ đó vẫn đi nhờ đất vườn nhà ông. Sau đó, ông bơm cát cho liền đất để sau này cho các con. Con đường mọi người vẫn đi và vị trí con đường đi này nằm giữa đất của gia đình ông. Các hộ bên trong (trừ ông A) không bỏ ra chi phí tạo ra con đường cũng như chi phí tu sửa, cải tạo. Riêng ông A chỉ ra 600.000 đồng mua đá mi để trải lên đường.

Sau nhiều năm cho bà con (những hộ đang khởi kiện ông) đi nhờ, gia đình ông có nhu cầu cho con đất cát nhà để làm ăn nên muốn dời đường đi mà các hộ đang đi nhờ đất vườn xuống cuối thửa đất (hướng Đông). Hơn nữa, lối đi cũ các hộ đang đi sát cạnh nhà đã có những bất tiện như: Bà D là vợ ông có bệnh tiểu đường giai đoạn cuối, biến chứng ra nhiều bệnh khác, mỗi tháng thăm khám tại Thành phố Hồ Chí Minh ông không có ở nhà đã bị mất trộm; ngoài ra, con bà S mua bán gà nhiều người ra vào nhiều, hay tổ chức ăn nhậu, đi lại phức tạp làm bà D mất ngủ. Ông đã phản ánh nhiều lần nhưng không khắc phục.

Khi ông có nguyện vọng dời đường đi, các hộ bên trong không đồng ý nên đã chửi bới, hăm dọa và gửi đơn đến UBND xã. Ông cho các hộ bên trong thời gian 04 đến 05 tháng để tạo đường đi mới. Lúc này, ông vẫn để họ đi đường sát bên nhà thông qua công nhà. Trong thời gian đó, sáng 06 giờ ông mở cửa đến 08 giờ 30 đóng cửa nhưng đêm khoảng 10 giờ con bà S gọi điện yêu cầu mở cửa ông vẫn mở cửa. Hết thời gian này, ông rào lại phần đường thì bà S cùng 02 con là Huỳnh Chiến T và Huỳnh Thanh N1 cùng ông Phạm Văn N phá rào và xảy ra xô xát, gây thương tích cho ông (gãy xương sườn số 5). Không ai đền thương lượng với ông về việc mở lối đi như bà S trình bày. UBND xã tiếp tục hòa giải lần nữa, bà S có nói nếu dời đường đi, gia đình ông phải làm đường cho họ đi. Ông không đồng ý yêu cầu này nhưng sẽ hỗ trợ tiền mua vật tư để làm con đường mới là 2.000.000 đồng nhưng các hộ bên trong không đồng ý.

Đối với yêu cầu của các nguyên đơn, ông không đồng ý. Ông vẫn giữ yêu cầu trước đây, ông đồng ý mở lối đi cho các hộ bên trong tại vị trí cuối đất của gia đình ông, phân giáp ranh với đất của ông Bùi Tuấn K. Ông đồng ý cho các hộ bên trong đi trên phần lối đi mới này ổn định lâu dài. Ông yêu cầu các nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất phần đất mở lối đi và giá trị cây trồng trên đất nếu có. Lối đi mới này ông đồng ý cho mở có chiều ngang 1,2m; chiều dài một cạnh là 46,48m; một cạnh là 46,63m; chiều cao 03m theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất, thuộc thửa đất số 423, tờ bản đồ số 21, tọa lạc ấp T, xã B, huyện M do ông và bà Nguyễn Thị D được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông đã đắp đường đi cao khoảng 40cm, ngang 1,2m không lún có cừ cây, đặt bọng; muốn đi được phải đổ khoảng 02m³ đá. Đối với xây dựng cây cầu giáp đất ông A và ông thì ông đồng ý hỗ trợ 20 bao xi măng thành tiền là 2.200.000 đồng.

Đối với hàng rào lưới B40, ông mới rào sau này là để bảo vệ tài sản có chiều ngang chắn qua lối đi là 1,2m, chiều cao là 01m. Ông và bà D đồng ý tự nguyện di dời phần hàng rào này.

Trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn

Thị D trình bày: Bà D thống nhất với lời trình bày của ông S1 không trình bày gì thêm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị A1 trình bày:

UBND xã tổ chức hòa giải về yêu cầu mở lối đi 02 lần; lần đầu do đi không đủ người nên UBND xã không tổ chức hòa giải được. Lần sau, UBND xã giải quyết không thành, bà và các hộ bên trong yêu cầu được đi trên lối đi cũ, ông S1 yêu cầu dời lối đi về vị trí mới như ông S1 trình bày. UBND xã yêu cầu ông S1 mở lối đi cho các hộ bên trong đi trong thời gian 01 tháng là đến ngày 04/4/2022 để các hộ này quyết định có khởi kiện hay không. Ông S1 về mở hàng rào khoảng 01 giờ thì khóa lại và ông S1 yêu cầu bà và các hộ bên trong đi lại lối đi ngang qua sân nhà của ông S1 như cũ. Hết ngày 04/4/2022, bà và các hộ khác không đi trên lối đi này nữa vì đã hết thời hạn 01 tháng UBND xã đưa ra. Bà không có lối đi yêu cầu trong thời gian chờ Tòa án giải quyết, ông S1 và bà D mở lối đi cho bà và các hộ bên trong đi cho đến khi Tòa án giải quyết xong. Ông N không có mở rào, xô xát với ông S1, bà D. Ngoài ra, bà đồng ý theo lời trình bày của bà S, không trình bày gì thêm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Chiến T trình bày:

Anh là con của bà S. Anh có nhà chung với phần đất của bà S nhưng chưa tách sổ. Ông S1 trình bày anh tổ chức ăn nhậu, chạy xe gây mất trật tự là không đúng. Ngoài ra, những nội dung khác anh thống nhất với lời trình bày của bà S.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Triệu Thị Hồng L, bà Lê Thị B trình bày: Chị L và bà B thống nhất với lời trình bày của bà S.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện M đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 47/2022/DS-ST ngày 11/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện M đã áp dụng Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 157, 158, 165, 166 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Hồng S, ông Nguyễn Văn A, ông Phạm Văn N, ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị E và ông Nguyễn Văn Đ yêu cầu ông Huỳnh Văn S1 và bà Nguyễn Thị D mở lối đi trên phần đất thuộc thửa 423, tờ bản đồ số 21, xã B, huyện M do ông Huỳnh Văn S1 và bà Nguyễn Thị D đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Buộc ông Huỳnh Văn S1 và bà Nguyễn Thị D phải mở lối đi cho bà Nguyễn Hồng S, ông Nguyễn Văn A, ông Phạm Văn N, ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị E và ông Nguyễn Văn Đ trên phần đất thuộc thửa 423, tờ bản đồ số 21, xã B, huyện M do ông Huỳnh Văn S1 và bà Nguyễn Thị D đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tại vị trí ký hiệu 423A có diện tích là 55,2m², có chiều dài cạnh Tây 33,75m; cạnh Đông 33,73m; chiều dài cạnh Bắc 1,21m; chiều dài cạnh Nam 1,29m; chiều cao 03m (có họa đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

2. Ghi nhận bà Nguyễn Hồng S, ông Nguyễn Văn Đ mỗi người có trách

nhệm hoàn trả cho ông Huỳnh Văn S1, bà Nguyễn Thị D số tiền là 18.400.000đ (Mười tám triệu bốn trăm ngàn đồng).

Ông Nguyễn Văn M và bà Lê Thị B có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông Huỳnh Văn S1, bà Nguyễn Thị D số tiền là 18.400.000đ (Mười tám triệu bốn trăm ngàn đồng).

Ông Nguyễn Văn A và bà Triệu Thị Hồng L có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông Huỳnh Văn S1, bà Nguyễn Thị D số tiền là 18.400.000đ (Mười tám triệu bốn trăm ngàn đồng).

Bà Phạm Thị Em và ông Nguyễn Văn H có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông Huỳnh Văn S1, bà Nguyễn Thị D số tiền là 18.400.000đ (Mười tám triệu bốn trăm ngàn đồng).

Ông Nguyễn Văn Niên và bà Lê Thị A1 có trách nhiệm liên đới hoàn trả ông Huỳnh Văn S1, bà Nguyễn Thị D số tiền là 18.400.000đ (Mười tám triệu bốn trăm ngàn đồng).

Buộc ông Huỳnh Văn S1, bà Nguyễn Thị D tháo dỡ, di dời 01 hàng rào lưới B40 có chiều dài 2,8m, chiều cao 01m được cố định bằng 03 trụ sắt V: 0,4 x 0,4 x 1,2 cao chắn ngang trên phần lối đi được mở tại phần có kí hiệu 423A, thuộc một phần thửa 423, tờ bản đồ số 21.

Ghi nhận ông Huỳnh Văn S1, bà Nguyễn Thị D tự nguyện tháo dỡ, di dời 01 hàng rào lưới B40 rào chắn ngang lối đi tại phần có kí hiệu 423A, thuộc một phần thửa 423, tờ bản đồ số 21 giáp với đường nhựa có chiều ngang là 1,2m, chiều cao là 01m.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 23/8/2022, bị đơn ông Huỳnh Văn S1, bà Nguyễn Thị D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, nội dung kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm: Bị đơn đồng ý mở lối đi cho các nguyên đơn tại vị trí cuối đất của bị đơn, giáp ranh với ông Bùi Tuấn K. Buộc nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất mở lối đi và giá trị cây trồng trên đất. Lối đi bị đơn đồng ý mở có chiều ngang 1,2m, chiều dài một cạnh là 46,48m, một cạnh là 46,63m, chiều cao 03m theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất thuộc thửa 423, tờ bản đồ số 21.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Hộ ông S1 và bà Dung đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không có cơ sở cho rằng lối đi tranh chấp là lối đi công cộng, ban đầu lối đi là bờ ruộng bị đơn chỉ cho 01 hộ đi sau đó các hộ khác tự ý đi như hiện nay. Trong quá trình tố tụng, các nguyên đơn thừa nhận lối đi yêu cầu mở ở giữa thửa đất, chia đất của bị đơn thành hai phần. Theo quy định, lối đi được mở phải đảm bảo thiệt hại gây ra cho bất động sản có lối đi là ít nhất, trong khi lối đi hiện tại rất gần nhà, gây ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình bị đơn, đất bị chia làm đôi thì không thể nào thuận tiện trong việc sử dụng đất của bị đơn. Đồng thời, bị đơn rất có thiện chí tạo lối đi mới, nếu các nguyên đơn đồng ý dời lối đi xuống cuối phần đất của bị đơn thì bị đơn đồng ý

chiếu 50% tất cả các chi phí. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của bị đơn, mở lối đi tại phần đất có kí hiệu 423B và buộc các nguyên đơn đền bù số tiền 110.400.000 đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm với lý do: Lối đi nguyên đơn yêu cầu đã được hình thành từ hơn 40 năm, các nguyên đơn đã góp tiền để cải tạo lối đi thuận tiện như hiện nay và đã xây dựng nhà dọc theo lối đi; lối đi cách nhà bị đơn khoảng 10m và các hộ đi lại không gây ồn ào như bị đơn trình bày; lối đi này nằm giữa đất của nhiều hộ, không riêng đất của bị đơn; nếu mở lối đi như bị đơn yêu cầu thì phải đi dọc và đi ngang trên đất của ông A, số tiền đền bù quyền sử dụng đất cho ông A, ông S1 và chi phí cải tạo là rất lớn, các nguyên đơn không có khả năng, hơn nữa sẽ đi gần nền mộ của nhà ông Ân nên không thuận tiện.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Văn S1, bà Nguyễn Thị D, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 47/2022/DS-ST ngày 11/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của ông Huỳnh Văn S1, bà Nguyễn Thị D; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn mở lối đi tại phần đất có kí hiệu 423A, diện tích 55,2m² thuộc một phần thửa 423, tờ bản đồ số 21 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông S1 và bà D. Theo nguyên đơn đây là lối đi đã hình thành từ lâu và thuận tiện nhất, không gây ảnh hưởng đến sản xuất, sinh hoạt của gia đình bị đơn. Trong khi đó, bị đơn không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn, chỉ đồng ý mở lối đi tại phần đất có kí hiệu 423B, có diện tích 55,7m², thuộc một phần thửa 423, tờ bản đồ số 21 vì lối đi nguyên đơn yêu cầu không thuận tiện cho bị đơn.

[2] Các nguyên đơn ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Hồng S, bà Nguyễn Thị E, ông Phạm Văn N được cấp quyền sử dụng đất đối với các thửa đất lần lượt là thửa 270, tờ bản đồ số 25; thửa 293, tờ bản đồ số 21; thửa 294, tờ bản đồ số 21; thửa 246, tờ bản đồ số 25 và thửa 1119, tờ bản đồ số 4; thửa 16, tờ bản đồ số 25; thửa 1122, 1123 tờ bản đồ số 4 cùng tọa lạc ấp T, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre. Các thửa đất này nằm phía trong phần đất thuộc thửa 423, tờ bản đồ 21 của ông Huỳnh Văn S1 và bà Nguyễn Thị D và bị vây bọc bởi các thửa đất khác. Để ra được lộ ấp T, các nguyên đơn phải đi qua phần đất của ông S1, bà D. Trong quá trình tố tụng, bị đơn cũng thừa nhận đất của các nguyên đơn bị vây bọc và lối đi qua đất của bị đơn là lối đi duy nhất nên đây là tình tiết không

phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Do đó, các nguyên đơn có quyền yêu cầu được mở lối đi qua bất động sản liền kề theo quy định tại 254 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Xét trình bày của bị đơn:

Bị đơn cho rằng gia đình có nhu cầu cho con đất cát nhà làm ăn nên muốn dời đường đi mà các hộ đang đi nhờ xuống cuối thửa đất (hướng Đông) có ký hiệu 423B trên họa đồ. Tuy nhiên, theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 24/5/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M, chiều ngang phần đất còn lại hai bên lối đi có kích thước lần lượt là 66,16m và 67,05m (không tính chiều ngang lối đi). Đồng thời, ngoài căn nhà của ông S1, bà D không có công trình kiến trúc khác. Như vậy, phần diện tích đất còn lại của thửa 423 còn nhiều và việc sử dụng lối đi hiện hữu không ảnh hưởng đến các dự định xây cất nhà của ông S1. Hơn nữa, ông S1 cho rằng, lối đi cũ các hộ đang đi sát cạnh nhà đã gây ra những bất tiện, cụ thể: Bà D có bệnh tiểu đường giai đoạn cuối, biến chứng ra nhiều bệnh khác, mỗi tháng thăm khám tại Thành phố Hồ Chí Minh, gia đình không có ở nhà nên đã bị mất trộm; con bà S là anh T mua bán gà người ra vào nhiều, hay tổ chức ăn nhậu, đi lại phức tạp làm bà D mất ngủ. Tuy nhiên, trình bày của bị đơn không được nguyên đơn thừa nhận, bị đơn cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở xem xét.

[4] Xét vị trí các lối đi:

Theo nội dung biên bản xác minh ngày 27/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện M đối với UBND xã B thể hiện: Lối đi hiện nay bà S và các nguyên đơn khác yêu cầu mở các hộ này sử dụng đã lâu; quá trình sử dụng không gây ảnh hưởng đến sản xuất, sinh hoạt của gia đình ông S1. Đối với lối đi ông S1 mở tại phần đất giáp ranh với đất của ông Bùi Tuấn K. Vị trí này giáp nương ranh, nền đất thấp và yếu. Nếu mở lối đi tại vị trí này phải đắp bờ kè hai bên cho cao, bơm cát, gia cố nền đất cho chắc để không sụt lún. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông S1 và người đại diện theo ủy quyền của bà D trình bày bị đơn đã đắp đường, bơm cát, đặt bọng tại vị trí lối đi có ký hiệu 423B. Nguyên đơn thừa nhận điều này nhưng cho rằng để đi được trên lối đi này phải gia cố, tu bổ thêm nhiều như đắp bờ, đổ thêm cát, đá lên cao để không bị ngập, lún. Đồng thời phải bắc cầu qua nương ranh giữa ông A với ông S1, nương rộng 4,5m, nước chảy siết nên phải bắc cầu bê tông kiên cố. Người đại diện theo ủy quyền của bà D cũng thừa nhận lời trình bày của nguyên đơn là đúng. Hơn nữa, nguyên đơn cho rằng chi phí xây dựng cây cầu bê tông khoảng 33.500.000 đồng, chưa kể chi phí đắp bờ, đổ đá thêm trên lối đi,... Ngoài ra, tại họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 24/5/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M thể hiện: Lối đi tại vị trí ông S1 yêu cầu mở có ký hiệu 423B diện tích 55,7m² và phải qua đất của ông A có ký hiệu 294A diện tích 87m², nếu mở lối đi theo yêu cầu của ông S1 thì các nguyên đơn phải bồi hoàn số tiền giá trị quyền sử dụng đất dùng để mở lối đi là 242.590.000 đồng, (55,7m² + 87m² = 142,7m² x 1.700.000 đồng/m²), chưa tính đến chi phí làm đường trên phần lối đi mở trên đất ông A. Trong khi đó, nếu mở lối đi tại vị trí cũ do các nguyên đơn yêu cầu, các nguyên đơn chỉ trả giá trị quyền sử dụng đất thuộc phần ký hiệu 423A với số tiền 110.400.000 đồng (55,2m² x 2.000.000 đồng/m²).

Mặt khác, nếu mở lối đi theo yêu cầu của bị đơn một phần lối đi mới này sẽ được mở trên đất của ông A. Nhưng ông A không đồng ý mở thêm lối đi trên đất của ông vì gần mộ, lối đi mở theo hướng này đi thẳng vào nhà ông A và phần đất ông A dùng vào mở lối đi quá nhiều. Trong quá trình tố tụng các đương sự đều thừa nhận, lối đi hiện nay không chỉ mở giữa đất của ông S1, bà D mà cũng nằm hầu hết là giữa đất của các nguyên đơn,... Từ các căn cứ nêu trên, có cơ sở khẳng định lối đi các nguyên đơn yêu cầu là thuận tiện và gây thiệt hại ít hơn so với lối đi bị đơn đồng ý mở.

Từ những nhận định trên, Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, kháng cáo của bị đơn không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[5] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Huỳnh Văn S1, bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí theo quy định. Tuy nhiên, ông S1, bà D là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Văn S1, bà Nguyễn Thị D;

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 47/2022/DS-ST ngày 11/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 157, 158, 165, 166 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Hồng S, ông Nguyễn Văn A, ông Phạm Văn N, ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị E và ông Nguyễn Văn Đ đối với ông Huỳnh Văn S1 và bà Nguyễn Thị D mở lối đi trên phần đất thuộc thửa 423, tờ bản đồ số 21, xã B, huyện M do ông Huỳnh Văn S1 và bà Nguyễn Thị D đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Buộc ông Huỳnh Văn S1 và bà Nguyễn Thị D phải mở lối đi cho bà Nguyễn Hồng S, ông Nguyễn Văn A, ông Phạm Văn N, ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị E và ông Nguyễn Văn Đ trên phần đất thuộc thửa 423, tờ bản đồ số 21, xã B, huyện M do ông Huỳnh Văn S1 và bà Nguyễn Thị D đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tại vị trí có kí hiệu 423A diện tích 55,2m², có chiều dài cạnh Tây 33,75m; cạnh Đông 33,73m; chiều dài cạnh Bắc 1,21m; chiều dài cạnh Nam 1,29m; chiều cao 03m (có họa đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

[2] Buộc bà Nguyễn Hồng S, ông Nguyễn Văn Đ mỗi người có trách nhiệm hoàn trả cho ông Huỳnh Văn S1, bà Nguyễn Thị D số tiền là 18.400.000đ (Mười tám triệu bốn trăm ngàn đồng).

Buộc ông Nguyễn Văn M và bà Lê Thị B có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông Huỳnh Văn S1, bà Nguyễn Thị D số tiền là 18.400.000đ (Mười tám triệu bốn trăm ngàn đồng).

Buộc ông Nguyễn Văn A và bà Triệu Thị Hồng L có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông Huỳnh Văn S1, bà Nguyễn Thị D số tiền là 18.400.000đ (Mười tám triệu bốn trăm ngàn đồng).

Buộc bà Phạm Thị Em và ông Nguyễn Văn H có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông Huỳnh Văn S1, bà Nguyễn Thị D số tiền là 18.400.000đ (Mười tám triệu bốn trăm ngàn đồng).

Buộc ông Nguyễn Văn Niên và bà Lê Thị A1 có trách nhiệm liên đới hoàn trả ông Huỳnh Văn S1, bà Nguyễn Thị D số tiền là 18.400.000đ (Mười tám triệu bốn trăm ngàn đồng).

Buộc ông Huỳnh Văn S1, bà Nguyễn Thị D tháo dỡ, di dời 01 hàng rào lưới B40 có chiều dài 2,8m, chiều cao 01m được cố định bằng 03 trụ sắt V: 0,4 x 0,4 x 1,2 cao chắn ngang trên phần lối đi được mở tại thửa 423A(21).

Buộc ông Huỳnh Văn S1, bà Nguyễn Thị D tháo dỡ, di dời 01 hàng rào lưới B40 rào chắn ngang lối đi tại vị trí kí hiệu 423A, tờ bản đồ số 21 giáp với đường nhựa có chiều ngang là 1,2m, chiều cao là 01m.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[3] Về chi phí tố tụng:

Ông Huỳnh Văn S1 và bà Nguyễn Thị D phải chịu là 4.258.000đ (Bốn triệu hai trăm năm mươi tám ngàn đồng). Ông Huỳnh Văn S1 và bà Nguyễn Thị D phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà Nguyễn Hồng S, ông Nguyễn Văn A, ông Phạm Văn N, ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị E và ông Nguyễn Văn Đ số tiền là 2.658.000đ (Hai triệu sáu trăm năm mươi tám ngàn đồng).

Số tiền chi phí định giá lại là 1.600.000đ (Một triệu sáu trăm ngàn đồng) ông Huỳnh Văn S1, bà Nguyễn Thị D đã nộp xong.

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí sơ thẩm:

- Ông Huỳnh Văn S1, bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí dân sự số tiền là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Hồng S, ông Nguyễn Văn A, ông Phạm Văn N, ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị E và ông Nguyễn Văn Đ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005041 ngày 30 tháng 3 năm 2022; số 0007660 ngày 07/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

[4.2] Án phí phúc thẩm: Ông Huỳnh Văn S1, bà Nguyễn Thị D được miễn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Dũng